

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO
07/12/2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao¹, Bộ Khoa học và Công nghệ xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ 7 BCHTW Đảng (khoá VII) ngày 30/7/1997 về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới và Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) số 02-NQ/HNTW ngày 24 tháng 12 năm 1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (năm 1998) và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002). Đồng thời, từng bước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao như: Quy chế Khu công nghệ cao (*Nghị định của Chính phủ; năm 2003*), Một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao (*Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; năm 2004*),... cùng nhiều nội dung ưu đãi có liên quan được quy định trong các luật chuyên ngành khác nhau.

Sự ra đời của các khu công nghệ cao trong cả nước đã cụ thể hóa chủ trương của Đảng về xây dựng một số khu công nghệ cao nhằm tạo môi trường thuận lợi để tập trung thu hút đầu tư công nghệ cao từ nước ngoài, đặc biệt từ các tập đoàn đa quốc gia; huy động các nguồn lực về khoa học và công nghệ trên cơ sở thu hút, tập hợp lực lượng trí thức khoa học và công nghệ trong cả nước, trí thức Việt kiều và các nhà khoa học nước ngoài trong nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao công nghệ vào sản xuất; kết hợp có hiệu quả giữa sản xuất với nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ cao và thu hút đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao.

Ở thời điểm mới thành lập, hoạt động của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Quy chế Khu

¹ Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao.

công nghệ cao tại Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao. Quy chế này sau đó được thay thế bằng Quy chế khu công nghệ cao ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ. Sự ra đời của Quy chế khu công nghệ cao ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP là cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2004 về một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao; xây dựng và ban hành Quyết định số 27/2006/QĐ-BKH-CN ngày 18 tháng 12 năm 2006 về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”.

2. Sự ra đời của Luật Công nghệ cao năm 2008 đã thể chế hóa các chính sách lớn về ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở nước ta, trong đó việc thúc đẩy sự phát triển công nghệ cao được tập trung chủ yếu thông qua một số nhiệm vụ chủ chốt, trong đó có tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (là khu công nghệ cao tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ cao vào lĩnh vực nông nghiệp – Điều 32 Luật Công nghệ cao), hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp lớn về công nghệ cao trên thế giới, đảm đương vai trò đầu tàu về phát triển công nghệ cao, tạo hiệu ứng lan toả. Từ sau khi Luật Công nghệ cao ra đời đến nay, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, đồng thời tiếp tục quyết định thành lập thêm Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (năm 2010) và Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016).

Đối với phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp, Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn là một trong những chủ trương quan trọng, thể hiện quan điểm tập trung nguồn lực đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân. Cùng với các chính sách về phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp được thể chế hóa tại Luật Công nghệ cao là cơ sở pháp lý hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Ngày 04 tháng 5 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 575/QĐ-TTg về phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Từ đó đến nay, 05 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ thành lập, gồm: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang (năm 2012), Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (năm 2013), Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu (năm 2017), Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên (năm 2021), Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Quảng Ninh (năm 2021).

Việc hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã có tác động thu hút các nguồn lực và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thúc đẩy tái cơ

cầu ngành nông nghiệp, là đầu mối liên kết giữa nhà khoa học, người sản xuất, liên kết chuỗi từ nghiên cứu đến ứng dụng vào sản xuất, đồng thời là nơi liên kết sản phẩm khoa học, sản phẩm hàng hóa với thị trường, tạo động lực cho việc hình thành, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn chưa đạt hiệu quả như mong muốn, các khu đều đang ở tình trạng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung, đặc biệt khu Hậu Giang, khu Thái Nguyên còn chưa triển khai, một số khu giao một phần lớn diện tích cho chủ đầu tư tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật... Việc thu hút đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng gặp nhiều khó khăn do điều kiện hạ tầng, các ưu đãi, hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn, đầu tư của doanh nghiệp vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ yếu tập trung vào sản xuất, các chức năng khác như nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao... chưa được chú trọng nên chưa có vai trò hạt nhân lan tỏa, phục vụ thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp... Việc tổ chức quản lý nhà nước tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng gặp nhiều khó khăn do sự thiếu sự thống nhất tổ chức quản lý, thẩm quyền (chức năng, quyền hạn của Ban quản lý các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không giống nhau, phụ thuộc vào sự phân công, ủy quyền của chính quyền địa phương).

Kể từ khi Luật Công nghệ cao được ban hành năm 2008, cho đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về đầu tư, phát triển và quản lý đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Điều này đã gây nên nhiều bất cập trong các hoạt động quản lý. Một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ nhưng đề xuất thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi chưa có đủ điều kiện về đất đai, quy hoạch, nguồn lực..., hoặc chỉ tập trung vào sản xuất, các chức năng khác như nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao... chưa được chú trọng nên chưa có vai trò hạt nhân lan tỏa, phục vụ thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp.

Việc thiếu các quy định hướng dẫn về quy hoạch, thành lập, mở rộng cũng như quy định về tổ chức hoạt động đã gây lúng túng cho các địa phương, các ban quản lý và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi các chính sách đầu tư, xây dựng và tổ chức các hoạt động quản lý nhà nước đối với các khu khu nông nghiệp công nghệ cao.

3. Đối với các khu công nghệ cao (theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao), Nghị định số 99/2003/NĐ-CP cùng với việc ra đời của một số văn bản có liên quan đã bước đầu tạo được hành lang pháp lý cơ bản cho: hoạt động xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; các hoạt động đầu tư, hoạt động khoa học và công nghệ, ươm tạo, đào tạo nhân lực công nghệ cao, thương mại hóa công nghệ cao, ...; quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý khu công nghệ cao.

Tuy nhiên đến nay, quy định tại các văn bản nói trên đã quá lỗi thời, nhiều điểm không còn phù hợp và không theo kịp với thực tiễn phát triển của các khu công nghệ cao trong cả nước. Một số bất cập chính trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước có thể tổng hợp như sau:

- Về cơ bản, rất nhiều quy định tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP bị phủ hoặc bị hết hiệu lực do các quy định mới của pháp luật chuyên ngành như: quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế... Trong khi đó, rất nhiều vấn đề bất cập cũng như phát sinh các đòi hỏi mới từ thực tiễn triển khai (*ví dụ sự tham gia của tư nhân vào quá trình đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao*), cần được xử lý.

- Về mô hình tổ chức và hoạt động, có sự bất cân xứng về vị trí pháp lý và quy chế hoạt động giữa các khu công nghệ cao nảy sinh từ thực tiễn thành lập (*ở các thời điểm khác nhau*), xây dựng và quản lý vận hành khu công nghệ cao với các mô hình không có sự thống nhất chung.

- Về thẩm quyền của cơ quan quản lý khu công nghệ cao, hiện nay, Ban Quản lý khu công nghệ cao chưa có đầy đủ thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhằm đẩy nhanh sự phát triển khu công nghệ cao, đặc biệt khi phải chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn khu công nghệ cao, bao gồm: quy hoạch, xây dựng, môi trường, đầu tư, lao động, an ninh trật tự ... Ban Quản lý hiện chỉ được một số Bộ, ngành, địa phương ủy quyền trên một số mặt nên công tác quản lý chưa toàn diện, chưa thực hiện được cơ chế một cửa trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

- Về thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao, hoạt động thu hút đầu tư gặp những hạn chế nhất định do thiếu tiêu chí thu hút đầy đủ đối với từng loại hình dự án được phép đầu tư vào khu công nghệ cao. Hiện nay, các Ban Quản lý khu công nghệ cao đang phải vận dụng lồng ghép các tiêu chí khác nhau quy định với các loại hình dự án có sự tương đồng.

- Các quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao từ trước đây không còn phù hợp, đặc biệt sau khi một số Luật chuyên ngành ra đời và/hoặc được sửa đổi, bổ sung, cập nhật thì các ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Thiếu quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục quy hoạch, thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gây khó khăn cho địa phương trong việc đề xuất cũng như cơ quan quản lý nhà nước trong việc xử lý hồ sơ.

4. Gần đây, để giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành các khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao, căn cứ những vấn đề có tính chất đặc thù đối với từng khu công nghệ cao khác nhau, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách riêng đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017) và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2018). Tuy nhiên, việc xây

dựng các Nghị định đặc thù chỉ được xem là giải pháp tình thế nhằm giải quyết một số vấn đề riêng đối với các khu công nghệ cao nói trên, không giải quyết được những hạn chế, vướng mắc đang tồn tại đối với các khu công nghệ cao (theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao) và các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cả nước.

5. Trong bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay đang có nhiều chuyển biến với những cơ hội và thách thức rất khác biệt so với giai đoạn trước đây, việc xây dựng, trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ cao, bao gồm khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao (thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP) và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao, nhằm tạo khung pháp lý cho hoạt động của các khu công nghệ cao là cần thiết và cấp thiết, đảm bảo phù hợp với quy định của các luật mới được ban hành có liên quan, khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong quá trình phát triển các khu công nghệ cao trong thời gian qua, tạo điều kiện thuận lợi để các khu công nghệ cao phát triển hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

- Quy định chi tiết nội dung, trình tự thực hiện phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao (***bao gồm khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao***) nhằm tăng cường sự chủ động của địa phương khi xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, đồng thời đảm bảo sự quản lý vĩ mô trong định hướng phát triển các khu công nghệ cao của cơ quan nhà nước ở trung ương.

- Quy định rõ tiêu chí, trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao để có cơ sở xây dựng các định hướng phát triển và triển khai các thủ tục thành lập các khu công nghệ cao mới cũng như mở rộng các khu công nghệ cao đã được thành lập.

- Xác định quy trình đầu tư xây dựng và tổ chức hoạt động đối với khu công nghệ cao; các chính sách khuyến khích của nhà nước đối với tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và các hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao; quy định vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước,

- Quy định các nhóm chính sách đối với khu công nghệ cao, bao gồm: nhóm chính sách về đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao; nhóm chính sách về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; nhóm chính sách khác về quản lý hoạt động khu công nghệ cao.

- Quy định rõ về hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao để làm cơ sở thu hút đầu tư và phát triển đúng định hướng.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ cao, khu công nghệ cao; bám sát quy định tại Luật Công nghệ cao và các luật chuyên ngành có liên quan.
- Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Phù hợp với: định hướng Đảng, Nhà nước về thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực ưu tiên nói chung và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao nói riêng; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và xu thế phát triển chung của thế giới; bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- Phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển các khu công nghệ cao.
- Các quy định có tính khả thi cao và ổn định, đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới, giải quyết cơ bản khó khăn trong đầu tư xây dựng và các vấn đề về quản lý nhà nước đang đặt ra đối với các khu công nghệ cao.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ²; căn các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác có liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao³, thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP.

Trong quá trình chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức soạn thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đảm bảo triển khai đầy đủ các bước và thủ tục soạn thảo theo quy định đối với soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức nghị định: Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan⁴; Rà soát, đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đang có hiệu lực thi hành; Tổ chức các hội thảo lấy ý kiến Ban soạn thảo, các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, chuyên gia; các hội nghị lấy ý kiến tại 03

² Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Công văn số 10868/VPCP-KGVX ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ.

³ Nghị định quy định về khu công nghệ cao được xây dựng theo 02 bước trong đó bước 1 (Lập hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định) được Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện trong năm 2019.

⁴ Theo Quyết định số 1602/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

khu công nghệ cao quốc gia; các cuộc họp lấy ý kiến của Ban Quản lý khu công nghệ cao về dự thảo Nghị định; Tổ chức triển khai lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo Nghị định⁵; Đăng tải dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ; Khảo sát các khu công nghệ cao, khảo sát các địa phương có định hướng đề xuất thành lập khu công nghệ cao.

Để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành có liên quan đang được sửa đổi, bổ sung, cập nhật trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ báo cáo về việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định⁶ và đã được Lãnh đạo Chính phủ đồng ý lùi thời hạn trình Chính phủ dự thảo Nghị định tới Quý IV/2021⁷.

Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số 243/BCTĐ-BTP ngày 09 tháng 12 năm 2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định, chỉnh lý dự thảo Nghị định và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ tại Tờ trình số 3817/TTr-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2021 (kèm theo Dự thảo Nghị định; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định và bản chụp Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp; Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định và Bản chụp các văn bản ý kiến; Báo cáo đánh giá tác động chính sách liên quan đến chính sách mới về phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao).

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 635/VPCP-KGVX ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ (trên cơ sở xét Tờ trình số 3817/TTr-BKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ và dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao), Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, nghiên cứu kỹ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến các Bộ, cơ quan để hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị định và có văn bản số 930/BKHCN-CNC ngày 29 tháng 4 năm 2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao (kèm theo Dự thảo Nghị định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 583/TTg-QHĐP ngày 11 tháng 7 năm 2022, trong đó đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ là tiếp thu ý kiến các Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định có quy định

⁵ Công văn số 1793/BKHCN-CNC ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

⁶ Công văn số 3805/BKHCN-CNC ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

⁷ Công văn số 10868/VPCP-KGVX ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ.

về trình tự, thủ tục thành lập và tổ chức hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi Bộ Tư pháp về việc đề nghị hướng dẫn xử lý để đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo yêu cầu về thời hạn hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ, đồng thời phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai các nội dung cụ thể cần chỉnh sửa, bổ sung tại dự thảo Nghị định và hồ sơ trình Chính phủ.

Sau khi các nội dung dự thảo Nghị định được sự thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁸, Bộ Khoa học và Công nghệ đã Tổ chức triển khai lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan bằng văn bản (lần 2) đối với các nội dung sửa đổi bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại dự thảo Nghị định⁹, đăng tải dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định (lần 2) đối với các nội dung sửa đổi bổ sung liên quan đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp¹⁰, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định, hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ trình Chính phủ theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 07 Chương, 47 Điều, quy định cụ thể các vấn đề sau: những quy định chung; phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; chính sách đối với khu công nghệ cao; hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao; quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khu công nghệ cao; điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số nội dung của Luật Công nghệ cao, kế thừa một số quy định còn phù hợp của Nghị định số 99/2003/NĐ-CP đã được thực hiện thời gian qua cũng như loại bỏ các quy định không còn phù hợp với các quy định mới của pháp luật. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã bổ sung, cập nhật các quy định liên quan đến khu công nghệ cao trên cơ sở các quy định mới được sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư năm 2020; Luật Quy hoạch năm 2017;

⁸ Tại văn bản số....

⁹ Tại văn bản số.

¹⁰ Tại văn bản số.

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Luật Đất đai năm 2013; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013... và một số chính sách đã được triển khai hiệu quả tại một số khu công nghệ cao trên cơ sở các chính sách đặc thù đã được Chính phủ ban hành, nhằm giải quyết các vấn đề chung và thống nhất quản lý đối với các khu công nghệ cao.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 583/TTg-QHĐP ngày 11 tháng 7 năm 2022, một nội dung điều chỉnh lớn tại dự thảo Nghị định là việc bổ sung đối tượng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định (tại thời điểm ban hành Nghị định 99/2003/NĐ-CP chưa có loại hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Theo đó, tại dự thảo Nghị định, các khu công nghệ cao bao gồm: khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao (dự thảo Nghị định không quy định đối với khu công nghệ thông tin tập trung¹¹). Trong trường hợp có các quy định riêng, các loại hình khu sẽ được phân biệt là: “khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao” và “khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao”, đồng thời phân định các trách nhiệm quản lý nhà nước tương ứng đối với hai loại hình khu đối với Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên cơ sở đó, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ..., dự thảo Nghị định được xây dựng với những nội dung chính như sau:

2.1. Xác định quy trình cụ thể liên quan đến quy hoạch, thành lập, mở rộng, đầu tư xây dựng khu công nghệ cao

- Về quy hoạch: Thực hiện quy định tại Điều 67 Luật Khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Hiện nay, theo quy định tại Luật Quy hoạch 2017, không tiếp tục xây dựng các quy hoạch riêng như quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao trước đây mà thay thế bằng phương hướng xây dựng khu công nghệ cao được tích hợp trong quy hoạch vùng, phương án phát triển hệ thống khu công nghệ cao được tích hợp trong quy hoạch tỉnh. Theo đó, tại Điều 3 và Điều 4 dự thảo Nghị định đã quy định làm rõ về phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy

¹¹ Khu công nghệ thông tin tập trung theo Điều 51 Luật Công nghệ thông tin là một loại hình khu công nghệ cao, được điều chỉnh tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 quy định về khu công nghệ thông tin tập trung.

hoạch vùng và phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh phù hợp với quy định tại Luật Quy hoạch làm cơ sở triển khai thực hiện. Cụ thể:

+ Làm rõ các khái niệm “phương hướng xây dựng khu công nghệ cao”, “phương án phát triển khu công nghệ cao”.

+ Xác định nội dung chủ yếu của phương hướng xây dựng khu công nghệ cao trong quy hoạch vùng, phương án phát triển khu công nghệ cao trong quy hoạch tỉnh.

- Về việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao: Dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết quy định tại khoản 3,4 Điều 31 và **khoản 3, 4 Điều 32 Luật Công nghệ cao** về thành lập khu công nghệ cao, đồng thời bổ sung quy định liên quan đến mở rộng khu công nghệ cao. Theo đó, quy định cụ thể về: điều kiện; trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền, nội dung thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao (Chương II).

Nghị định số 99/2003/NĐ-CP không có nội dung quy định hướng dẫn cụ thể về việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, Luật Công nghệ cao chỉ quy định một số nội dung khái quát về thành lập khu công nghệ cao, không có quy định về mở rộng khu công nghệ cao. Vì vậy, các nội dung về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, mở rộng khu công nghệ cao là các nội dung mới xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thành lập khu công nghệ cao mới cũng như mở rộng các khu công nghệ cao hiện hữu. Các quy định trên được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật về nhiệm vụ, định hướng phát triển khu công nghệ cao; về quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường, quốc phòng, an ninh.... Trong đó, về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Luật Công nghệ cao chỉ quy định thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ cao, tuy nhiên, do việc mở rộng khu công nghệ cao là một nhu cầu thực tiễn nên dự thảo Nghị định đề xuất bổ sung thẩm quyền quyết định việc mở rộng khu công nghệ cao của Thủ tướng Chính phủ (khoản 2 Điều 9).

Đối với nội dung này, Bộ Khoa học và Công nghệ có dự kiến đề xuất phương án Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và/hoặc các nguồn huy động hợp pháp khác nhằm tạo cơ chế linh hoạt, thuận tiện trong việc xem xét thành lập các khu công nghệ cao mới. Tuy nhiên, qua đánh giá tổng hợp Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy nội dung này không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 31 và **khoản 4 Điều 32 Luật Công nghệ cao**, đồng thời thực tiễn cho thấy số lượng các khu công nghệ cao có khả năng được thành lập mới trong thời gian tới chưa nhiều. Theo đó, tùy thực tiễn phát triển số lượng các khu công nghệ cao trong thời gian tới, Bộ Khoa học và Công nghệ và **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** sẽ đánh giá tổng hợp, trong trường hợp cần thiết sẽ lập báo cáo Chính phủ đề xuất phương án sửa quy định nêu trên.

- *Về việc đầu tư xây dựng khu công nghệ cao:* Quy trình đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng được xác định thông qua các bước: tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao (lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng đối với các khu công nghệ cao có diện tích từ 500 héc ta trở lên, lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng đối với các khu công nghệ cao có quy mô diện tích dưới 500 héc ta – khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 17); giao đất để quản lý, tổ chức xây dựng và phát triển khu công nghệ cao (khoản 1 Điều 18).

2.2. Xác định các nhóm chính sách đối với khu công nghệ cao

Các chính sách đối với khu công nghệ cao được đề xuất thành các nhóm khác nhau căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành về đầu tư công, ngân sách nhà nước, đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, lao động, môi trường, an ninh trật tự... bao gồm: nhóm chính sách về đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao (mục 1 Chương III); nhóm chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (mục 2 Chương III); nhóm các sách khác (mục 3 Chương III).

- *Nhóm chính sách về đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao:*

Quy định các nguồn vốn đầu tư xây dựng khu công nghệ cao gồm ngân sách nhà nước và khuyến khích các nguồn vốn ngoài ngân sách tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao (với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sẽ được quy định tại Mục 2 Chương III). Trong đó, việc xác định vai trò của ngân sách nhà nước được quy định trên cơ sở kế thừa một số chính sách quy định tại Nghị định 99/2003/NĐ-CP, thực tiễn triển khai tại các khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và kinh nghiệm về đầu tư cho phát triển các khu công nghệ cao trên thế giới. ***Các quy định trên cũng có thể đồng thời giải quyết các vấn đề khó khăn tương tự về nguồn vốn đầu tư xây dựng và làm căn cứ xác định nguồn vốn đối với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao.***

Mức độ ưu tiên của ngân sách nhà nước được xác định đối với một số hạng mục đầu tư xây dựng và vận hành cụ thể để đảm bảo mục tiêu phát triển khu công nghệ cao. Ngoài ra, dự thảo Nghị định đề xuất trong từng thời kỳ, căn cứ vào vị trí, vai trò và khả năng đóng góp của khu công nghệ cao đối với sự phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của vùng và quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ, ***Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tương ứng đối với từng loại hình khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 31 hoặc Điều 32 Luật Công nghệ cao*** trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các khu công nghệ cao trọng điểm để làm căn cứ ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (khoản 4, 5 Điều 11).

Pháp luật chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự, an toàn giao thông... quy định hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao phải tuân thủ các yêu cầu theo quy định. Tuy nhiên, do tại các văn bản pháp luật chuyên ngành, thuật ngữ liên quan đến hạ tầng kỹ thuật còn chưa đồng nhất, do đó, dự thảo Nghị định đề nghị thống nhất xác định các hạng

mục “công trình hạ tầng kỹ thuật” trong khu công nghệ cao để đảm bảo hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành (khoản 2 Điều 11). Ngoài ra, để thuận lợi đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao, dự thảo Nghị định đề xuất quy định về tiêu chuẩn quy hoạch, thiết kế, xây dựng, vận hành các công trình hạ tầng đảm bảo hiện đại, đồng bộ, thân thiện môi trường ..., đối với khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao tiến tới định hướng theo tiêu chuẩn đô thị thông minh.

- Nhóm chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao được quy định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, tín dụng, kế toán và pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị định thể hiện một cách tổng thể, có hệ thống các cơ chế, chính sách ưu đãi, giúp nhà đầu tư thuận tiện trong việc tìm hiểu, tiếp cận chính sách, dự thảo Nghị định quy định lại một số chính sách ưu đãi đã được quy định rải rác tại các Nghị định khác của Chính phủ.

Cùng với việc quy định vai trò của nhà nước trong việc đầu tư xây dựng khu công nghệ cao, nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, trên cơ sở thực tiễn đã triển khai tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Nghị định số 74/2017/NĐ-CP về cơ chế chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc), dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa chính sách của nhà nước trong việc khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao quy định theo khoản 1 Điều 30 Luật Công nghệ cao tại các Điều 13 và Điều 14 (cụ thể về chế độ sử dụng đất, cơ chế quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật có sự tham gia của Chủ đầu tư hạ tầng... sẽ được quy định cụ thể tại Mục 3 Chương III về các nhóm chính sách khác liên quan đến quản lý khu công nghệ cao).

Dự thảo Nghị định cũng quy định các chính sách đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và đào tạo nhân lực công nghệ cao trên cơ sở tham khảo các quy định áp dụng đối với cơ sở ươm tạo doanh nghiệp vừa và nhỏ và Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC) tại Điều 15; chính sách đối với doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao trên cơ sở thực tiễn quy định và triển khai tại các khu công nghiệp tại Điều 16 (các quy định xác định doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao tại khoản 2 Điều 28).

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ đầu tư phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật để thu hút các dự án đầu tư, nhân lực công nghệ cao vào khu công nghệ cao... (khoản 5 Điều 12, khoản 4 Điều 14).

- Nhóm chính sách khác:

Bao gồm các chính sách liên quan đến quản lý hoạt động khu công nghệ cao, gồm: quản lý quy hoạch, xây dựng (Điều 17); quản lý, sử dụng đất đai (Điều 18); quản lý bảo vệ môi trường, lao động, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy, an ninh trật tự và các hoạt động khác (Điều 19); quản lý hoạt động

đầu tư (Điều 20); quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật (Điều 21); xuất cảnh, nhập cảnh, tạm trú, lưu trú trong khu công nghệ cao (Điều 22). Các nội dung dự thảo được xây dựng căn cứ quy định tại các luật chuyên ngành có liên quan.

Để đảm bảo các dự án đầu tư phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của khu công nghệ cao,, , dự thảo Nghị định quy định cụ thể trong quy trình đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm giải trình và cam kết việc đảm bảo các tiêu chí (tiêu chí cụ thể đối với từng loại hình dự án quy định tại chương IV), tại hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Ban quản lý khu công nghệ cao tổ chức thẩm định nội dung này theo trình tự thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (khoản 2 Điều 19). Đồng thời, các cam kết thực hiện của nhà đầu tư được ghi tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất/Quyết định cho thuê đất làm căn cứ giám sát, đánh giá đầu tư, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm khi không thực hiện đúng tiêu chí (khoản 3 Điều 19).

Về cơ chế đối với khu công nghệ cao thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách tham gia đầu tư hạ tầng, việc xác định cơ chế chính sách quản lý để vừa đảm bảo ưu đãi cho các Chủ đầu tư hạ tầng nhưng vẫn kiểm soát được các dự án đầu tư có hoạt động công nghệ cao (dự án đầu tư thứ cấp) đúng với mục tiêu, định hướng phát triển của khu công nghệ cao, dự thảo Nghị định đã đề xuất quy định về chế độ sử dụng đất (khoản 4 Điều 18) trên cơ sở tham khảo mô hình thực tiễn đã áp dụng triển khai đối với khu công nghệ cao Hòa Lạc theo quy định tại Nghị định số 74/2017/NĐ-CP. Một số quy định cụ thể gồm:

+ Đối với diện tích xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, đất sử dụng công cộng theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt trong phạm vi khu vực đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao cho Chủ đầu tư hạ tầng thuê để đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu vực đất sử dụng công cộng (điểm a khoản 3 Điều 18);

+ Đối với phần diện tích phục vụ các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng (không bao gồm diện tích đất quy định tại điểm a khoản này), căn cứ tiến độ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kế hoạch thu hút đầu tư, Ban quản lý khu công nghệ cao có văn bản chấp thuận giao Chủ đầu tư hạ tầng thực hiện việc chuẩn bị mặt bằng hoặc xây dựng nhà xưởng cho thuê. Sau khi hoàn thành chuẩn bị mặt bằng hoặc xây dựng nhà xưởng cho thuê, Chủ đầu tư hạ tầng bàn giao lại đất cho Ban quản lý khu công nghệ cao (điểm b khoản 3 Điều 18).

Các quy định nêu trên sẽ tránh được vướng mắc đối với trường hợp chủ đầu tư hạ tầng được thuê toàn bộ đất khu công nghệ cao để phát triển hạ tầng sau đó cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại mà không kiểm soát được tiêu chí đầu vào dự án đầu tư thứ cấp, đồng thời vẫn đảm bảo: (i) Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao; (ii) Thống nhất vai trò của nhà nước trong quản lý theo ngành, lĩnh vực, đảm bảo việc xây dựng, phát triển, quản lý vận hành

các khu công nghệ cao theo đúng định hướng (trong đó đặc biệt là kiểm soát được việc đáp ứng tiêu chí đầu vào của các loại hình dự án khác nhau, đủ chế tài xử lý vi phạm); (iii) Đảm bảo nhà đầu tư thứ cấp được tiếp cận đầy đủ các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2.3. Xác định các hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao

Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao, dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa quy định liên quan đến các hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao (Chương IV). Đây là các quy định có tính chất đặc thù nhằm phân biệt khu công nghệ cao với một số loại hình khu khác như khu công nghiệp, khu kinh tế... trong đó nhấn mạnh yếu tố liên quan đến khoa học và công nghệ, công nghệ cao.

Đối với khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao, tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP, các quy định đã xác định các loại hình doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, các loại hoạt động trong khu công nghệ cao, tuy nhiên chỉ có hoạt động/dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao là có tiêu chí/tiêu chuẩn cụ thể (*theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ*). Tại dự thảo Nghị định này (Mục 1 Chương IV), việc cụ thể hóa các loại hình hoạt động (*các hoạt động này thể hiện dưới hình thức dự án đầu tư*) cũng như làm rõ khung tiêu chí và tiêu chí cụ thể với một số loại hình sẽ đảm bảo đủ hành lang pháp lý thu hút đầu tư cho các loại hình dự án khác nhau vào khu công nghệ cao phục vụ mục tiêu phát triển khu công nghệ cao. Các quy định về hoạt động công nghệ cao nhằm xác định rõ các hoạt động công nghệ cao phù hợp triển khai trong khu công nghệ cao. Theo đó, dự thảo Nghị định đồng thời định quy định một số loại hình dự án đầu tư cụ thể trong khu công nghệ cao phải đáp ứng các nguyên tắc và tiêu chí tương ứng khi đầu tư trong khu công nghệ cao. Dự thảo Nghị định cũng quy định thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc quy định một số tiêu chí đối với một số loại hình dự án cụ thể như: dự án thành lập cơ sở để thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao (điểm đ khoản 2 Điều 25); dự án thành lập cơ sở để thực hiện hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (khoản 2 Điều 27); dự án ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao, (điểm đ khoản 1 Điều 28).

Tương tự đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao, các hoạt động công nghệ cao gồm: nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; đào tạo nhân lực công nghệ cao lĩnh vực nông nghiệp; hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Các nguyên tắc và tiêu chí đối với một số loại hình dự án đầu tư thực hiện hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được quy định cụ thể tại các Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35. Dự thảo Nghị định cũng quy định thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc quy định tiêu chí về nhân lực

lao động, nhân lực thực hiện hoạt động nghiên cứu, tỷ lệ chi và nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu đối với dự án đầu tư cơ sở nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao; tiêu chí về tỷ lệ doanh thu từ sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, nhân lực trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, tỷ lệ chi cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, đây chuyên công nghệ đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

Các tiêu chí quy định đối với từng loại hình dự án đầu tư cụ thể là điều kiện thực hiện dự án đầu tư, được xét trong quá trình xét, cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, được ghi tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất/Quyết định cho thuê đất làm căn cứ giám sát, đánh giá đầu tư, xử lý vi phạm khi không thực hiện đúng cam kết, gồm: không được áp dụng ưu đãi đầu tư, ngừng hoặc ngừng một phần, chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án theo quy định của Luật Đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan (khoản 2 Điều 18, khoản 2, 3 Điều 19).

2.4. Các quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao

- Liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), dự thảo Nghị định đã đề xuất quy định làm rõ:

+ Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định mở rộng khu công nghệ cao để phù hợp với thực tiễn (*khoản 2 Điều 9, điểm b khoản 2 Điều 31; Luật Công nghệ cao đã quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định thành lập khu công nghệ cao*);

+ Thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ **và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** trong việc tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao (khoản 2 Điều 38 và khoản 2 Điều 39);

+ Việc phân cấp, ủy quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Ban quản lý khu công nghệ cao được thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo sự ổn định, tạo điều kiện thực hiện cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ”, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong khu công nghệ cao nhưng đồng thời phải phù hợp với năng lực, trình độ tổ chức của Ban quản lý khu công nghệ cao (thuộc điểm b khoản 3 Điều 37);

- Liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu công nghệ cao, do đây là một trong những nội dung quan trọng vì Ban quản lý khu công nghệ cao được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ cao, dự thảo Nghị định đã tách ra thành 01 chương riêng (*Chương VI; trước đây, trong giai đoạn lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, trình Chính phủ, nội dung này nằm chung trong Chương quy định về quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao*).

Về cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban quản lý, dự thảo Nghị định không quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Ban quản lý khu công nghệ cao **(không phân biệt đối với các loại hình khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao)** mà quy định giao cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ các điều kiện và quy định của pháp luật để quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức, biên chế, các chức danh lãnh đạo của Ban quản lý khu công nghệ cao phù hợp với các nguyên tắc về tổ chức và chức năng nhiệm vụ (khoản 6 Điều 44).

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu công nghệ cao, dự thảo Nghị định quy định các nội dung liên quan đến đầy đủ các lĩnh vực tài chính, quy hoạch và xây dựng, đất đai, đầu tư, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, lao động, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, thanh tra, kiểm tra, giám sát... bám sát các quy định mới của các luật chuyên ngành có liên quan nhằm xác định rõ và tăng cường thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghệ cao nhằm thực hiện tốt cơ chế hành chính “một cửa tại chỗ”, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong khu công nghệ cao. (Điều 36).

2.5. Về điều khoản chuyển tiếp

Hiện nay, triển khai thực hiện Luật Quy hoạch, quy hoạch vùng cũng như quy hoạch tỉnh của nhiều địa phương vẫn chưa được Thủ tướng Chính phủ chính thức phê duyệt. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển khu công nghệ cao trong trường hợp quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch được thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030 và Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định chuyển tiếp đối với các khu công nghệ cao đã hoàn thành các thủ tục quy hoạch, đầu tư, thành lập và các dự án đã được cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước thời điểm có hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị định.

2.6. Về hiệu lực thi hành

Dự thảo Nghị định này được xây dựng nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc thành lập, đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành khu công nghệ cao. Theo đó, sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành, Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao và Điều 112 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư về Sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 về việc ban hành quy chế khu công nghệ cao sẽ chính thức hết hiệu lực.

V. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG (lần 2) ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG BỔ SUNG LIÊN QUAN ĐẾN KHU CÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

...

VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP (lần 2)

...

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

...

(Các nội dung trên sẽ được tổng hợp, bổ sung sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và thẩm định của Bộ Tư pháp)

(Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định;

(3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định (lần 2) của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định và bản chụp Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp;

(4) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương (lần 2) đối với dự thảo Nghị định và Bản chụp các văn bản ý kiến;

(5) Báo cáo đánh giá tác động chính sách liên quan đến chính sách mới về khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

(Các tài liệu trên sẽ được cập nhật trong quá trình chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị định theo ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và thẩm định của Bộ Tư pháp).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CNC.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt